

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3049/QĐ-HVBCCTT-ĐT ngày 28/9/2015 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

Ngành đào tạo	: Công tác xã hội
Mã số	: 52 76 01 01
Trình độ đào tạo	: Đại học thứ 2
Loại hình đào tạo	: Chính quy tập trung

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu tổng quát

Đào tạo cán bộ làm công tác xã hội có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe; nắm vững hệ thống kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành nghề Công tác xã hội; có khả năng nghiên cứu, phát hiện và giúp đỡ cá nhân, nhóm và cộng đồng tự giải quyết những vấn đề xã hội; có năng lực cung cấp chính sách công, dịch vụ công, các dịch vụ công tác xã hội chuyên nghiệp tại các cơ sở và tổ chức xã hội trong các lĩnh vực an sinh xã hội, sức khỏe và giáo dục; có khả năng tham gia nghiên cứu các vấn đề có liên quan đến nghề công tác xã hội, biết sử dụng các kỹ năng công tác xã hội trong các hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội. Có cơ hội làm việc mở rộng và cơ hội học hỏi ở bậc cao hơn cả trong và ngoài nước.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- *Về kiến thức:*

+ Nắm vững kiến thức cơ bản về tâm lý học, xã hội học, các lý thuyết và mô hình công tác xã hội; các phương pháp công tác xã hội chuyên nghiệp; kiến thức hỗ trợ và ứng dụng vào việc phân tích, xây dựng kế hoạch, hỗ trợ thực hiện và lượng giá tiến trình giải quyết vấn đề. Đồng thời, có kiến thức nghiên cứu và xây dựng các mô hình tiếp cận khác nhau giúp đỡ đối tượng có vấn đề trong cuộc sống; kiến thức nghiên cứu và xây dựng chính sách. Đặc biệt biết sử dụng các mô hình truyền thông và các mô hình quản trị trong hoạt động công tác xã hội.

+ Trang bị những kiến thức cơ bản, hệ thống về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- *Về kỹ năng:*

Người học khi tốt nghiệp, bước đầu có những năng lực cơ bản sau:

+ Sử dụng được các kỹ năng công tác xã hội cá nhân, nhóm vào việc cung cấp các dịch vụ trợ giúp các cá nhân, gia đình và nhóm để giúp họ tăng cường năng lực tự giải quyết vấn đề và đáp ứng nhu cầu của mình;

+ Có kỹ năng đánh giá, phát hiện các vấn đề trong cộng đồng, huy động nguồn lực phát triển cộng đồng, tham gia quản lý và thực hiện các dự án phát triển cộng đồng.

+ Phát triển kỹ năng vận động và tham gia gia xây dựng chính sách xã hội và các chính sách có liên quan;

+ Có kỹ năng nghiên cứu, đánh giá chính sách, mô hình trợ giúp xã hội

+ Có kỹ năng phân tích, đánh giá, áp dụng mô hình tiếp cận phục vụ cho phát triển nghề nghiệp (giảng dạy, kiểm huấn).

+ Có kỹ năng giao tiếp, tuyên truyền vận động và huy động các phương tiện truyền thông đại chúng phục vụ cho các hoạt động trong lĩnh vực công tác xã hội.

+ Có các kiến thức cơ bản về hoạt động công tác đoàn thể, hoạt động chính trị phối hợp cùng với các hoạt động công tác xã hội.

+ Có sức khỏe, sẵn sàng đi xa và có tình yêu thương con người.

- *Về phẩm chất chính trị, đạo đức:*

+ Có phẩm chất chính trị vững vàng, kiên định con đường xã hội chủ nghĩa, trung thành với Đảng;

+ Có đạo đức cách mạng, cần kiệm, liêm chính, lối sống lành mạnh, có hành động tích cực, chấp hành đúng chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

+ Có thái độ khách quan, khoa học, trung thực, có năng lực và phương pháp đấu tranh chống quan điểm sai trái, thù địch, tích cực bảo vệ chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, mục tiêu, lý tưởng của Đảng. Có tinh thần phê phán, đánh giá những vấn đề chính trị, xã hội của thời đại và đất nước.

- *Vị trí làm việc sau tốt nghiệp:*

+ Các cơ quan của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội các cấp từ Trung ương tới địa phương

+ Các cơ sở cung cấp dịch vụ xã hội cho các loại đối tượng khác nhau thuộc các lĩnh vực y tế, giáo dục, pháp luật, phúc lợi xã hội... và các trung tâm hỗ trợ đối tượng yếu thế của Nhà nước (Trung tâm bảo trợ xã hội, Các mái ấm, Nhà tình thương...)

+ Có thể làm việc độc lập với vai trò là nhân viên xã hội, kiểm huấn viên, nhà nghiên cứu, hay cán bộ hoạch định chính sách xã hội trong các Công ty, Trung tâm làm dịch vụ tư vấn, tham vấn tâm lý.

+ Có thể tư vấn, hỗ trợ cho các nhà quản lý lãnh đạo tham mưu, giám sát quá trình thực hiện chính sách cho các nhóm đối tượng yếu thế trong xã hội.

+ Làm công tác giảng dạy chuyên ngành công tác xã hội tại các trường chính trị tỉnh, thành phố, ngành, đoàn thể, các trung tâm giáo dục chính trị xã hội, các trường đại học, cao đẳng trong cả nước.

+ Hoạt động nghề nghiệp tại các tổ chức phi chính phủ, các trung tâm chăm sóc cộng đồng, trợ lý dự án phát triển cộng đồng và cán bộ truyền thông trong các dự án phát triển.

+ Làm công tác chuyên môn tại các tổ chức quốc tế.

- *Trình độ ngoại ngữ:*

Người học tốt nghiệp từ năm 2017 (khóa 35B) đạt trình độ ngoại ngữ B1 khung châu Âu (tương đương 450 điểm TOEIC hoặc 470 điểm TOEFL hoặc 4.5 điểm IELTS). Người học tốt nghiệp từ năm 2018 (khóa 36B) trở đi đạt trình độ ngoại ngữ B2 khung châu Âu (tương đương 500 điểm TOEIC hoặc 510 điểm TOEFL hoặc 5.0 điểm IELTS).

- *Trình độ Tin học:*

Người học sau khi tốt nghiệp có kiến thức tin học văn phòng trình độ A, có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong thực tiễn công tác.

2. Thời gian đào tạo: 2 năm

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 64 tín chỉ

4. Đối tượng tuyển sinh:

Mọi công dân Việt Nam không phân biệt dân tộc, tôn giáo, giới tính đều có thể dự thi vào ngành Công tác xã hội nếu có đủ các điều kiện sau:

- Đã tốt nghiệp đại học;

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định tại Thông tư liên Bộ Y tế - Đại học, Trung học chuyên nghiệp và Dạy nghề (nay là Bộ Giáo dục và Đào tạo) số 10/TTLB ngày 18-8-1989 và Công văn hướng dẫn số 2445/TS ngày 20-8-1990 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, không trong thời gian can án hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đã có bằng tốt nghiệp đại học.

Thí sinh là người nước ngoài được tuyển sinh theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:

Thực hiện theo Quyết định số 22/2001/QĐ-BGD&ĐT ngày 26-6-2001 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về đào tạo để cấp bằng tốt nghiệp đại học thứ hai; Quy định đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ (Ban hành kèm theo Quyết định số 3307/QĐ-HVBCCTT ngày 12 tháng 9 năm 2014 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền).

6. Thang điểm:

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức và cách thức quy định tại Điều 24 Quy định đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ (Ban hành kèm theo Quyết định số 3307/QĐ-HVBCCTT ngày 12 tháng 9 năm 2014 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền).

7. Nội dung chương trình:

TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Phân bổ		Học phần tiên quyết	Phân kỳ
				Lý thuyết	Thực hành		
Khối kiến thức giáo dục đại cương							
<i>Khoa học Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh</i>			10				
1	TM01011	Triết học Mác-Lênin	2.0	1.5	0.5		1
2	KT01011	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2.0	1.5	0.5		1
3	CN0101	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.0	1.5	0.5		2
4	LS01002	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	2.0	1.5	0.5		3
5	TH01001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.0	1.5	0.5		3
Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			44				
Kiến thức cơ sở ngành			12				
Bắt buộc			8				

28	XH02001	Hành vi con người và môi trường xã hội	2.0	2.0	1.0		1
29	XH02002	Nhập môn công tác xã hội	2.0	1.5	0.5		1
30	XH02003	Lý thuyết công tác xã hội	2.0	1.5	0.5		1
32	XH02005	Phát triển cộng đồng	2.0	1.5	0.5	XH03013	2
<i>Tự chọn</i>			4/12				
33	XH02006	Tuyên truyền vận động các vấn đề xã hội	2.0	1.5	0.5	XH03021	2
34	XH02007	Công tác xã hội với người HIV/AIDS, phòng chống tệ nạn xã hội và tội phạm	2.0	1.5	0.5	XH02001	2
35	TG01007	Tâm lý học xã hội	2.0	1.5	0.5	XH02002	2
36	XH02009	Công tác xã hội với trẻ em thiệt thòi	2.0	1.5	0.5	XH03021	2
37	XH02010	Công tác xã hội với nhóm thiểu số	2.0	1.5	0.5	XH03021	2
38	XH02011	Tôn giáo với công tác xã hội	2.0	1.5	0.5	XH03021	2
<i>Kiến thức ngành, chuyên ngành</i>			32				
<i>Bắt buộc</i>			24				
39	XH03012	Truyền thông đại chúng với công tác xã hội	2.0	1.5	0.5		1
40	XH03013	An sinh xã hội	2.0	1.5	0.5		1
41	XH03014	Công tác xã hội cá nhân	2.0	1.0	1.0	XH03013	2
42	XH03015	Công tác xã hội nhóm	2.0	1.0	1.0	XH03013	2
43	XH03016	Tham vấn cơ bản	2.0	1.0	1.0		1
44	XH03017	Thực hành công tác xã hội I	2.0	0.5	1.5	XH03016	2
45	XH03018	Thực hành công tác xã hội II	2.0	0.5	1.5	XH03016	2
46	XH03019	Thực hành công tác xã hội III	2.0	0.5	1.5	XH03018	3

48	XH03021	Phương pháp nghiên cứu trong công tác xã hội	2.0	1.5	0.5		1
49	XH03022	Quản trị trong công tác xã hội	2.0	1.5	0.5		2
51	XH02023	Thiết kế nghiên cứu	2.0	1.5	0.5	XH03021	3
52	XH03034	Hệ thống chăm sóc gia đình	2.0	1.5	0.5	XH02005	3
<i>Tự chọn</i>			8/12				
53	XH03024	Kỹ thuật thu thập thông tin	2.0	0.5	1.5	XH02001XH03021	3
54	XH03025	Kỹ thuật xử lý thông tin	2.0	1.0	1.0	XH03021	3
55	XH03062	Xã hội học nông thôn	2.0	1.5	0.5	XH02021	3
56	XH03063	Xã hội học đô thị	2.0	1.5	0.5	XH02021	3
57	XH03065	Xã hội học quản lý	2.0	1.5	0.5	XH03021	3
58	XH02053	Lý thuyết phát triển	2.0	1.5	0.5	XH02003	3
59	XH02057	Các vấn đề xã hội đương đại	2.0	1.5	0.5	XH03021	3
60	TT03357	Nguyên lý tuyên truyền	2.0	1.5	0.5		3
61	XH03037	Thực tập nghề nghiệp	3.0	0.5	2.5		4
62	XH04015	Khóa luận	7.0				4
Học phần thay thế khóa luận			7.0				4
63	XH03038	Công tác xã hội trong các tổ chức chính trị - xã hội	3.0	1.5	1.5		4
64	XH03039	Công tác xóa đói giảm nghèo	2.0	1.5	0.5		4
65	XH03040	Công tác xã hội trong trường học	2.0	1.0	1.0		4
Tổng số			64				